

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 33

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4602000250, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 4 năm 2007 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 14 ngày 21 tháng 9 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã DTL theo Giấy phép Niêm yết do SGDCKHCM cấp ngày 28 tháng 5 năm 2010.

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc chuyên sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm-kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép và kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Công ty có bốn (4) chi nhánh:

- ▶ Chi nhánh Long Mỹ tại địa chỉ Số 79A, Trần Hưng Đạo, Khu Vực Bình Thạnh B, Phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Vị Thanh tại địa chỉ 295, Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Bà Rịa tại địa chỉ 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng tại địa chỉ Thông Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên
Ông Huỳnh Ngọc Mẫn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đoàn Thị Bích Thủy	Trưởng Ban
Bà Lê Thị Thu Dung	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 3 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Thanh Loan	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 3 tháng 7 năm 2019
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2019
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2019
Ông Lê Ngọc Khang	Kế toán trưởng	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng được Hội đồng Quản trị ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo Giấy Ủy quyền số 01/2019/DTL-NQHĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 vào ngày 28 tháng 8 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2019

Số tham chiếu: 61520419/21270593/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 28 tháng 8 năm 2019 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 16 tháng 4 năm 2019. Ngoài ra, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 30 tháng 8 năm 2018.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

28 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		528.813.012.546	997.934.560.776
110	I. Tiền	4	4.045.387.213	1.922.656.169
111	1. Tiền		4.045.387.213	1.922.656.169
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		199.856.040.561	563.430.582.667
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	48.210.006.281	226.856.072.810
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	44.099.621.826	1.972.912.862
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	131.623.599.185	357.468.050.515
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6	(24.077.186.731)	(22.866.453.520)
140	III. Hàng tồn kho	7	324.100.625.266	425.559.299.383
141	1. Hàng tồn kho		324.100.625.266	425.559.299.383
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		810.959.506	7.022.022.557
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		667.868.481	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15	143.091.025	7.022.022.557
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1,039,300,549,512	1.042.261.856.848
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	6	181.072.687.276	181.072.687.276
216	1. Phải thu dài hạn khác		181.072.687.276	181.072.687.276
220	II. Tài sản cố định		19.109.542.418	21.019.412.139
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	8.934.705.524	10.653.819.996
222	Nguyên giá		70.160.275.090	70.160.275.090
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(61.225.569.566)	(59.506.455.094)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	10.174.836.894	10.365.592.143
228	Nguyên giá		14.305.527.730	14.305.527.730
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.130.690.836)	(3.939.935.587)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		2.240.319.047	2.240.319.047
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.240.319.047	2.240.319.047
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	795.068.477.795	795.349.364.992
251	1. Đầu tư vào công ty con		804.194.000.000	804.194.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		68.477.795	68.477.795
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(9.194.000.000)	(8.913.112.803)
260	V. Tài sản dài hạn khác		41.809.522.976	42.580.073.394
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	40.569.470.587	41.140.860.355
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.240.052.389	1.439.213.039
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.568.113.562.058	2.040.196.417.624

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		516.781.682.073	948.803.032.540
310	I. Nợ ngắn hạn		516.781.682.073	917.133.032.540
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	88.188.370.275	63.955.554.976
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	44.122.665.666	3.222.517.776
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.209.522	9.012.785
314	4. Phải trả người lao động		-	1.353.003.255
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.228.792.799	3.114.942.661
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	162.172.758.635	50.754.727.014
320	7. Vay ngắn hạn	18	210.469.490.914	784.814.729.811
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.12	9.595.394.262	9.908.544.262
330	II. Nợ dài hạn		-	31.670.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	-	31.670.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.051.331.879.985	1.091.393.385.084
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	1.051.331.879.985	1.091.393.385.084
411	1. Vốn cổ phần		614.356.040.000	614.356.040.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		614.356.040.000	614.356.040.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		166.825.342.471	166.825.342.471
415	3. Cổ phiếu quỹ		(14.481.143.515)	(14.481.143.515)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		45.333.608.304	45.333.608.304
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.409.121.366	2.409.121.366
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		236.888.911.359	276.950.416.458
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		276.950.416.458	126.976.125.614
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(40.061.505.099)	149.974.290.844
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.568.113.562.058	2.040.196.417.624



Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng




Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc


Ngày 28 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	397.796.625.160	795.758.882.511
11	2. Giá vốn hàng bán	21	(393.225.824.436)	(768.873.863.277)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		4.570.800.724	26.885.019.234
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	467.051.945	84.888.842.943
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	(19.895.626.452) (19.614.739.255)	(15.589.402.048) (13.209.483.013)
25	6. Chi phí bán hàng	23	(15.845.278.158)	(14.322.177.703)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(8.123.323.970)	(7.389.845.812)
30	8. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(38.826.375.911)	74.472.436.614
31	9. Thu nhập khác		126.477.549	17.740.747
32	10. Chi phí khác	24	(1.162.446.087)	(1.494.423.912)
40	11. Lỗ khác		(1.035.968.538)	(1.476.683.165)
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(39.862.344.449)	72.995.753.449
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.1	(199.160.650)	-
60	15. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		(40.061.505.099)	72.995.753.449


Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng


Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(39.862.344.449)	72.995.753.449
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8, 9	1.909.869.721	1.932.172.339
03	Các khoản dự phòng		1.491.620.408	1.383.826.653
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(19.577.475)	1.243.318.419
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(441.837.559)	(84.302.658.810)
06	Chi phí lãi vay	22	19.614.739.255	13.209.483.013
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(17.307.530.099)	6.461.895.063
09	Giảm các khoản phải thu		369.244.967.541	28.252.911.550
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		101.458.674.117	(378.134.507.045)
11	Tăng các khoản phải trả		174.314.235.791	506.817.314
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(96.478.713)	572.304.143
14	Tiền lãi vay đã trả		(19.605.535.751)	(12.491.009.341)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(3.935.323.411)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(313.150.000)	(124.825.999)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		607.695.182.886	(358.891.737.726)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được	20.2	441.837.559	83.823.036.254
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		441.837.559	83.823.036.254
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	205.216.188.643	867.606.730.218
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(811.231.427.540)	(557.050.715.039)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(606.015.238.897)	310.556.015.179

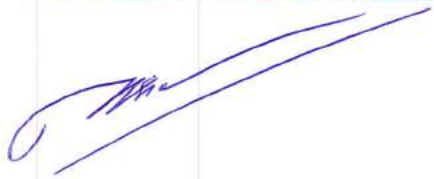
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.121.781.548	35.487.313.707
60	Tiền đầu kỳ		1.922.656.169	12.913.469.707
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		949.496	(12.272.672)
70	Tiền cuối kỳ	4	4.045.387.213	48.388.510.742



Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4602000250, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 4 năm 2007 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 14 ngày 21 tháng 9 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã DTL theo Giấy phép Niêm yết do SGDCKHCM cấp ngày 28 tháng 5 năm 2010.

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc chuyên sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm-kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép và kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Công ty có bốn (4) chi nhánh:

- ▶ Chi nhánh Long Mỹ tại địa chỉ Số 79A, Trần Hưng Đạo, Khu Vực Bình Thạnh B, Phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
- ▶ Chi nhánh Vị Thanh tại địa chỉ 295, Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Bà Rịa tại địa chỉ 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
- ▶ Chi nhánh Đà Nẵng tại địa chỉ Thông Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 71 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 137).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 vào ngày 28 tháng 8 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 42 năm
Phần mềm	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi HĐQT của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ này và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền mặt	295.140.216	262.249.287
Tiền gửi ngân hàng	3.750.246.997	1.660.406.882
TỔNG CỘNG	4.045.387.213	1.922.656.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Các bên khác	32.834.740.014	29.296.824.012
PT Blue Steel Industries	8.653.087.864	8.616.611.496
Công ty TNHH Dịch vụ Xây Dựng Bảo An	5.855.011.824	3.918.565.757
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tôn Tân Thành	2.896.315.858	2.896.315.858
Khác	15.430.324.468	13.865.330.901
Phải thu bên các liên quan (Thuyết minh số 27)	15.375.266.267	197.559.248.798
TỔNG CỘNG	48.210.006.281	226.856.072.810
Dự phòng phải thu khó đòi	(20.369.535.204)	(19.850.916.580)
GIÁ TRỊ THUẦN	27.840.471.077	207.005.156.230

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	19.850.916.580	15.847.809.424
Dự phòng trích lập trong kỳ	518.618.624	4.003.107.156
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	20.369.535.204	19.850.916.580

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Anh	24.574.895.136	-
Công ty TNHH Thép Hoa Phát	17.649.810.684	-
Khác	1.874.916.006	1.972.912.862
TỔNG CỘNG	44.099.621.826	1.972.912.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	128.652.942.108	353.191.737.952
Khác	2.970.657.077	4.276.312.563
TỔNG CỘNG	131.623.599.185	357.468.050.515
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.707.651.527)	(3.015.536.940)
GIÁ TRỊ THUẬN	127.915.947.658	354.452.513.575
Dài hạn		
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	181.072.687.276	181.072.687.276
TỔNG CỘNG	181.072.687.276	181.072.687.276

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khác ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	3.015.536.940	2.032.291.972
Dự phòng trích lập trong kỳ	692.114.587	983.244.968
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	3.707.651.527	3.015.536.940

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Hàng hóa	205.023.316.727	275.237.999.992
Thành phẩm	63.744.468.706	53.714.378.914
Nguyên liệu, vật liệu	35.347.363.845	58.502.117.810
Công cụ dụng cụ	19.186.661.271	20.272.915.839
Sản phẩm dở dang	798.214.717	816.176.557
Hàng mua đang đi trên đường	600.000	17.015.710.271
TỔNG CỘNG	324.100.625.266	425.559.299.383

Như được trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2019	46.932.445.287	17.931.484.465	4.884.312.360	412.032.978	70.160.275.090
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	24.565.793.282	3.467.355.865	2.896.108.087	383.942.978	31.313.200.212
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2018 Khấu hao trong kỳ	(41.376.859.448) (1.128.486.366)	(13.109.917.380) (465.355.475)	(4.643.951.269) (118.472.328)	(375.726.997) (6.800.303)	(59.506.455.094) (1.719.114.472)
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	(42.505.345.814)	(13.575.272.855)	(4.762.423.597)	(382.527.300)	(61.225.569.566)
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	5.555.585.839	4.821.567.085	240.361.091	36.305.981	10.653.819.996
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	4.427.099.473	4.356.211.610	121.888.763	29.505.678	8.934.705.524

Như được trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp một phần tài sản cố định hữu hình để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2019	13.730.727.730	574.800.000	14.305.527.730
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>			
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	(3.596.652.258)	(343.283.329)	(3.939.935.587)
Khấu hao trong kỳ	(142.855.251)	(47.899.998)	(190.755.249)
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	(3.739.507.509)	(391.183.327)	(4.130.690.836)
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	10.134.075.472	231.516.671	10.365.592.143
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	9.991.220.221	183.616.673	10.174.836.894

Như được trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền thuê đất trả trước (*)	40.569.470.587	41.140.860.355
TỔNG CỘNG	40.569.470.587	41.140.860.355

(*) Tiền thuê đất trả trước tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 3 theo các hợp đồng thuê đất để xây dựng nhà máy cho đến năm 2055.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí máy móc thiết bị đang lắp đặt.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	795.000.000.000	795.280.887.197
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	68.477.795	68.477.795
TỔNG CỘNG	795.068.477.795	795.349.364.992

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
			Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc (i)	Sản xuất và mua bán tôn, thép	Đang hoạt động	100	795.000.000.000	100	795.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc (ii)	Sản xuất tôn, dầm gỗ, kinh doanh thép	Dừng hoạt động	100	9.194.000.000 (9.194.000.000)	100	9.194.000.000 (8.913.112.803)
TỔNG CỘNG				804.194.000.000 (9.194.000.000)		804.194.000.000 (8.913.112.803)

(i) Công ty TNHH Một Thành viên Thép Đại Thiên Lộc được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3701295237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 22 tháng 12 năm 2008 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh, và có trụ sở chính đăng ký tại Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hoạt động chính của Thép Đại Thiên Lộc là sản xuất thép.

(ii) Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Đại Thiên Lộc được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3701295519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 22 tháng 12 năm 2008 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh, và có trụ sở chính đăng ký tại Ô 2, Lô A, Đường 22, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	67.914.216.641	15.824.228.602
Phải trả các bên khác	20.274.153.634	48.131.326.374
<i>Công ty TNHH Vật liệu Hợp kim JiaLong</i>		
<i>(Việt Nam)</i>	8.161.211.227	6.450.123.287
<i>Shenzhen One Touch Business</i>	8.043.913.238	8.192.135.506
<i>Xưởng Cơ khí Huế Thành</i>	1.210.000.000	1.210.000.000
<i>Khác</i>	2.859.029.169	32.279.067.581
TỔNG CỘNG	<u>88.188.370.275</u>	<u>63.955.554.976</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	37.028.207.805	-
Các bên khác	7.094.457.861	3.222.517.776
<i>JNB International Steel Trading Ltd</i>	3.261.552.388	-
<i>Avic International Steel Trade (HK) Co., Ltd</i>	1.725.249.725	-
<i>Khác</i>	2.107.655.748	3.222.517.776
TỔNG CỘNG	<u>44.122.665.666</u>	<u>3.222.517.776</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

				VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	7.022.022.557	30.540.192.047	(37.419.123.579)	143.091.025
TỔNG CỘNG	<u>7.022.022.557</u>	<u>30.540.192.047</u>	<u>(37.419.123.579)</u>	<u>143.091.025</u>
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	9.012.785	76.311.850	(81.115.113)	4.209.522
TỔNG CỘNG	<u>9.012.785</u>	<u>76.311.850</u>	<u>(81.115.113)</u>	<u>4.209.522</u>

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
		VND
Chi phí lãi vay	1.323.795.907	1.314.592.403
Chi phí lương tháng 13	420.742.833	1.306.892.695
Khác	484.254.059	493.457.563
TỔNG CỘNG	<u>2.228.792.799</u>	<u>3.114.942.661</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
		VND
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	158.795.168.661	47.037.118.376
Khác	3.377.589.974	3.717.608.638
TỔNG CỘNG	<u>162.172.758.635</u>	<u>50.754.727.014</u>

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	VND
Ngắn hạn	784.814.729.811	236.886.188.643	(811.231.427.540)	210.469.490.914	
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết Minh số 18.1)	784.814.729.811	205.216.188.643	(808.281.427.540)	181.749.490.914	
Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết Minh số 18.2)	-	31.670.000.000	(2.950.000.000)	28.720.000.000	
Dài hạn	31.670.000.000	-	(31.670.000.000)	-	
Vay dài hạn bên liên quan	31.670.000.000	-	(31.670.000.000)	-	
TỔNG CỘNG	816.484.729.811	236.886.188.643	(842.901.427.540)	210.469.490.914	

18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất % năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	155.454.511.139	Ngày 24 tháng 1 năm 2020	7,0 - 8,5	Hàng hóa, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty, 7.181.775 cổ phiếu DTL thuộc quyền sở hữu của Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam - Chi nhánh Sông Thần	26.294.979.775	Ngày 15 tháng 7 năm 2019	7,1	Hàng hóa, 19.975.134 cổ phiếu DTL thuộc quyền sở hữu của Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, và các bất động sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty	Bổ sung vốn lưu động
TỔNG CỘNG	181.749.490.914				

18.2 Vay ngắn hạn bên liên quan

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 1 năm 2020	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất % năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	28.720.000.000	Ngày 31 tháng 1 năm 2020	Không		Tin chấp
					Bổ sung vốn lưu động

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1	Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Lợi nhuận sau thuế vốn chủ sở hữu chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018							
	Ngày 31 tháng						
	12 năm 2017	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	35.267.773.055	2.473.121.366	947.522.595.390
	Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	-	-
	trong kỳ	-	-	-	-	-	-
	Trích lập quỹ	-	-	-	10.065.835.249	72.995.753.449	72.995.753.449
	trong kỳ	-	-	-	-	(10.065.835.249)	-
	Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-
	khên thưởng	-	-	-	-	-	-
	phúc lợi	-	-	-	-	(6.039.501.149)	(6.039.501.149)
	Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(64.000.000)	(64.000.000)
	Ngày 30 tháng 6	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	1.014.414.847.690
	năm 2018					199.971.879.064	
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019							
	Ngày 31 tháng						
	12 năm 2018	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	1.091.393.385.084
	Lỗ thuần	-	-	-	-	-	-
	trong kỳ	-	-	-	-	(40.061.505.099)	(40.061.505.099)
	Ngày 30 tháng 6	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	1.051.331.879.985
	năm 2019					236.888.911.359	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	
	% sở hữu	Số lượng cổ phần
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	47,56	29.220.213
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	13,60	8.353.070
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	12,86	7.899.952
Bà Nguyễn Thanh Loan	10,16	6.244.378
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	4,26	2.619.580
Bà Nguyễn Thanh Dung	4,19	2.573.990
Cổ phiếu quỹ	1,31	804.620
Cổ đông khác	6,06	3.719.801
TỔNG CỘNG	100	61.435.604

19.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Cổ phiếu đăng ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	61.435.604	61.435.604
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	804.620	804.620
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.630.984	60.630.984

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

20. DOANH THU BÁN HÀNG

20.1 Doanh thu bán hàng hóa

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Doanh thu bán nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa	350.042.132.622	788.278.787.664
Doanh thu bán vật tư, công cụ dụng cụ	47.754.492.538	7.480.094.847
DOANH THU THUẬN	397.796.625.160	795.758.882.511
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>347.281.563.177</i>	<i>725.916.996.338</i>
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>50.515.061.983</i>	<i>69.841.886.173</i>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Lãi tiền gửi	441.837.559	632.720.610
Lãi chênh lệch tỷ giá	25.214.386	439.682.255
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	83.669.938.200
Khác	-	146.501.878
TỔNG CỘNG	467.051.945	84.888.842.943

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Giá vốn bán nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa	348.031.235.668	763.081.003.551
Giá vốn bán vật tư, công cụ dụng cụ	45.194.588.768	5.792.859.726
TỔNG CỘNG	393.225.824.436	768.873.863.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
		VND
Chi phí lãi vay	19.614.739.255	13.209.483.013
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	280.887.197	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.373.753.601
Khác	-	6.165.434
TỔNG CỘNG	19.895.626.452	15.589.402.048

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
		VND
Chi phí bán hàng	15.845.278.158	14.322.177.703
Chi phí quảng cáo	11.892.854.052	9.719.550.173
Chi phí đóng gói	1.169.659.567	52.966.477
Chi phí nhân viên	705.879.983	1.673.386.163
Chi phí vận chuyển	634.144.343	472.348.251
Chi phí xuất khẩu	105.445.136	778.630.330
Chi phí khác	1.337.295.077	1.625.296.309
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.123.323.970	7.389.845.812
Chi phí nhân viên	5.290.011.563	2.945.827.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.270.759.401	1.716.870.632
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.210.733.211	1.396.035.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.634.547	1.003.887.159
Chi phí khác	86.185.248	327.224.980
TỔNG CỘNG	23.968.602.128	21.712.023.515

24. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
		VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động	1.160.111.976	1.201.063.842
Chi phí phạt	-	285.994.601
Khác	2.334.111	7.365.469
TỔNG CỘNG	1.162.446.087	1.494.423.912

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.120.403.479	12.660.447.795
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.063.541.793	22.792.458.059
Chi phí nhân công	5.977.414.583	3.839.709.437
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 8, 9)	749.757.745	731.108.497
Chi phí bằng tiền khác	2.644.347.910	3.999.948.177
TỔNG CỘNG	<u>36.555.465.510</u>	<u>44.023.671.965</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	199.160.650	-
TỔNG CỘNG	<u>199.160.650</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(39.862.344.449)	72.995.753.449
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(7.972.468.890)	14.599.150.690
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	-	(16.755.150.313)
Chi phí không được khấu trừ	246.722.812	564.256.819
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	7.924.906.728	1.591.742.804
Chi phí thuế TNDN	199.160.650	-

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong kỳ như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Dự phòng phải thu khó đòi	1.239.417.067	1.395.932.895	(156.515.828)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	635.322	43.280.144	(42.644.822)	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.240.052.389	1.439.213.039		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(199.160.650)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	Cổ đông lớn	Bán hàng	138.867.092.615	364.887.339.433
		Mua hàng	239.135.401.868	-
Công ty Cơ khí và Xây dựng DTL	Đồng sở hữu	Bán hàng	89.253.030.456	1.822.944.963
		Mua hàng	-	39.223.522.111
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Vay	175.160.000.000	-
		Bán hàng	119.161.440.106	359.206.711.942
		Mua hàng	86.635.249.407	282.885.792.213
		Thu nhập cổ tức	-	83.669.938.200

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	Đồng sở hữu	Bán hàng hóa	10.033.130.072	7.208.814.892
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	2.550.141.823	178.410.185.532
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Bán hàng hóa	2.144.555.894	11.292.809.896
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con	Bán hàng hóa	647.438.478	647.438.478
			15.375.266.267	197.559.248.798

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Cho mượn	127.704.840.028	352.243.635.872
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	Đồng sở hữu	Cho mượn	948.102.080	948.102.080
			128.652.942.108	353.191.737.952
Phải thu dài hạn khác				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Cho mượn	181.072.687.276	181.072.687.276
Phải trả người bán				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Mua hàng hóa	50.130.493.608	12.125.677.468
Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	16.467.700.934	-
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	Đồng sở hữu	Mua hàng hóa	1.316.022.099	3.698.551.134
			67.914.216.641	15.824.228.602
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Bán hàng	37.028.207.805	-
Phải trả khác				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Tạm ứng chi phí hoạt động	140.296.886.925	44.960.515.890
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch/Tổng Giám đốc	Tạm ứng chi phí hoạt động	16.871.226.839	449.547.589
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con	Tạm ứng chi phí hoạt động	1.627.054.897	1.627.054.897
			158.795.168.661	47.037.118.376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Vay ngắn hạn				
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch/Tổng Giám đốc	Vay	<u>28.720.000.000</u>	<u>31.670.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và năm 2018 như sau:

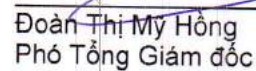
	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Thù lao, thưởng của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	<u>-</u>	<u>526.299.000</u>

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng

Đoàn Thị Mỹ Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2019